TOÀ ÁN NHÂN DÂN
Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 98/2024/DS-ST
Ngày 12.9.2024
V/v "Tranh chấp tiền biêu"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Quốc Cường và bà Nguyễn Thị Hồng

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Vui - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng: Bà Nguyễn Tường Vi, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 209/2024/TLST-DS ngày 26.6.2024 về việc "*Tranh chấp tiền biêu*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2024/QĐXXST- DS ngày 26.8.2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Thu H** - Sinh năm: 1967; Địa chỉ: K N, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng.

- Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị Thu H1 - sinh năm: 2001. Địa chỉ liên hệ: Số A T, quận H, thành phố Đà Nẵng, có mặt

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị H2** - Sinh năm: 1971. Địa chỉ: K N, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện gửi Tòa án, trong biên bản hòa giải và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:*

Thông qua lời mời gọi chơi hụi và cam kết về việc trả tiền lời của mỗi dây hụi cũng như cam kết về độ an toàn, chắc chắn khi tham gia vào các dây hụi do bà H2 là chủ hụi, đồng thời, vì tin tưởng bà H2 có tài sản là nhà và đất đang ở tại K N, Thành phố Đà Nẵng và công việc mua bán hoa ổn định nên trong năm 2023, bà H đã tham gia 04 (bốn) dây hụi do bà H2 làm chủ hụi và bà H chưa được hốt hụi lần nào. Khi tham gia chơi hụi, bà H2 ghi tên là "H3 chủ biêu" và mỗi dây hụi, bà H2 đều tham

gia 01 (một) phần hụi. Trong đó, theo quy tắc do bà H2 đặt ra, mỗi tháng mở hụi 01 (một) kỳ, bà H2 hốt hụi vào ngày mở hụi đầu tiên và không trả lãi cho các con hụi. Để lấy lòng tin của bà H, bà H2 đã giao cho tôi một "bản ghi biêu" để nắm thông tin, đồng thời, bà H2 còn yêu cầu tôi "chồng đậy" hết tất cả các dây hụi và hứa rằng: "khi nào bà H cần tiền thì bà H được hốt hụi sớm và không bị chịu lỗ", cụ thể việc đóng tiền các dây hụi như sau: Dây hụi 01 - ngày 15/01/2023 (Âm lịch): hụi 10.000.000 đồng/phần, có 20 (hai mươi) phần hụi, tổng dây hụi là 200.000.000 đồng, tôi tham gia 01 (một) phần. Bà H đã góp hụi 01 (một) lần cho tất cả các lần mở hụi với số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) vào ngày 15/02/2023 (Có Giấy xác nhận có chữ ký của bà H2 (bà H3) với nội dung như sau: "Chị H chồng H3 1 fần biêu 10tr x 20 phần = 200.000.000 (Hai trăm triệu chẵn). Vậy tôi viết giấy này để cái (chị H3 xác nhận đúng)"). Dây hụi này đã mở được 09 (chín) lần. Dây hụi 02 - ngày 20/7/2023 (Âm lịch): hụi 10.000.000 đồng/phần, có 30 (ba mươi) phần hụi, tổng dây hụi là 300.000.000 đồng, tôi tham gia 01 (một) phần. Nghe theo lời bà H2, bà H đã góp hụi 01 (một) lần cho tất cả các lần mở hụi với số tiền là 192.000.000 đồng (Một trăm chín mươi hai triệu đồng) vào ngày 09/10/2023 (Có Phần xác nhận của bà H2 với nội dung: "(Chị H3) 1 fần biêu 10 triệu = 300 triệu - 107 triệu = 192 Chị đưa H3 192 triệu ngày 9/10/2023 DL (25/8 Âm lịch 2023)"). Dây hụi này đã mở được 03 (ba) lần. Dây hụi 03 - ngày 05/3/2023 (Âm lịch): hụi 5.000.000 đồng/phần, có 22 (hai mươi hai) phần hụi, tổng dây hụi là 110.000.000 đồng, bà H tham gia 01 (một) phần. Dây hụi này đã mở được 07 (bảy) lần. Tổng số tiền hụi mà bà H đã góp cho bà H2 là 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng). Dây hụi 04 - ngày 20/5/2023 (Âm lịch): hụi 5.000.000 đồng/phần, có 20 (hai mươi) phần hụi, tổng dây hụi là 100.000.000 đồng, tôi tham gia 02 (hai) phần. Dây hụi này đã mở được 05 (năm) lần. Tổng số tiền hụi mà bà H đã góp cho bà H2 là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Tổng cộng số tiền hụi của 04 (bốn) dây hụi bà H đã đóng cho bà H2 là 477.000.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi bảy triệu đồng).

Nay nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H2 phải trả lại cho bà H khoản tiền nợ theo Giấy ghi thông tin biêu (hụi) các ngày 15/01/2023 (Âm lịch), 05/3/2023 (Âm lịch), 20/5/2023 (Âm lịch) và 20/7/2023 (Âm lịch) tổng cộng là: 477.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm bảy mươi bảy triệu đồng).

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể là chỉ yêu cầu bà H2 trả số tiền biêu còn nợ 392 triệu đồng.

** Trong văn bản trình bày, trong biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị H2 trình bày:*

Tôi thừa nhận có cầm cái biêu và bà H là con biêu. Dây hụi 01, ngày 15/01/2023 (Âm lịch): hụi 10.000.000 đồng/phần, có 20 (hai mươi) phần hụi, tổng

dây hụi là 200.000.000 đồng. Dây hụi 02, ngày 20/7/2023 (Âm lịch): hụi 10.000.000 đồng/phần, có 30 (ba mươi) phần hụi, tổng dây hụi là 300.000.000 đồng. Dây hụi 03, ngày 05/3/2023 (Âm lịch): hụi 5.000.000 đồng/phần, có 22 (hai mươi hai) phần hụi, tổng dây hụi là 110.000.000 đồng. Dây hụi 04, ngày 20/5/2023 (Âm lịch): hụi 5.000.000 đồng/phần, có 20 (hai mươi) phần hụi, tổng dây hụi là 100.000.000 đồng.

Trong quá trình chơi biêu bà H đã hốt nhiều lần tiền chơi biêu. Tôi xác nhận hiện nay tôi chỉ còn nợ tiền biêu của bà H là 392.000.000đ. Tôi đề nghị được trả mỗi tháng 500.000đ cho đến khi hết nợ.

Những người cùng tham gia chơi biêu với bà H tôi chỉ biết tên thường gọi ở nhà, tôi không biết rõ họ tên và địa chỉ cụ thể từng người chơi biêu nên tôi không thể cung cấp thông tin những người chơi biêu cho Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu quan điểm xác định Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thực hiện đầy đủ thủ tục trình tự tố tụng theo quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà H2 trả cho bà H số tiền 392.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Trần Thị Thu H và bị đơn là bà Nguyễn Thị H2 là tranh chấp về biêu, họ hụi, bị đơn có địa chỉ cư trú trên địa bàn quận T, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, cụ thể chỉ yêu cầu bà H trả số tiền 392.000.000đ, Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án thì trong năm 2023, bà Trần Thị Thu H và bà Nguyễn Thị H2 có giao kết hợp đồng dân sự với hình thức biêu, hụi gồm Giấy ghi thông tin biêu (hụi) các ngày 15/01/2023 (Âm lịch), 05/3/2023 (Âm lịch), 20/5/2023 (Âm lịch) và 20/7/2023 (Âm lịch) và đều được các bên điều thừa nhận. Xét thấy, đây là các hợp đồng biêu, hụi do các bên tự nguyện giao kết nên được bảo

vệ và đảm bảo thực hiện. Các bên phải có nghĩa vụ thực hiện các thỏa thuận trong hợp đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự điều thừa nhận bà H đã tham gia 04 dây biêu do bà H2 cầm cái với thời gian tham gia, số tiền góp và số phần tức là số người tham gia trong một dây biêu. Quá trình thực hiện việc nộp tiền biêu và rút biêu, bà H2 còn nợ bà H số tiền biêu chưa trả theo 02 giấy xác nhận của bà H2, cụ thể là giấy xác nhận ngày 15.02.2023 là 200 triệu đồng và Giấy viết ngày 09.10.2023 (dương lịch) là 392 triệu đồng, tuy nhiên, các bên không thống nhất được phương thức thanh toán số tiền con nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong hồ sơ vụ án thể hiện 02 giấy xác nhận tiền biêu do bà H2 (H3) ký thừa nhận số tiền nhận tổng cộng là 392.000.000đ, tại phiên tòa bà H2 thừa nhận còn nợ bà H số tiền này. Do vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định bà H2 còn nợ bà H số tiền biêu là 392.000.000đ và bà H2 có trách nhiệm phải trả số tiền trên cho bà H là phù hợp.

[3] Xét lời trình bày của bị đơn cho rằng, hiện nay bà đang gặp khó khăn nên không thể trả một lần số tiền trên cho bà H được, bà H2 yêu cầu trả mỗi tháng trả 500.000đ cho đến khi hết số nợ trên, Hội đồng xét xử thấy rằng số tiền bà H2 nợ là lớn trong khi trả mỗi tháng 500.000 là không phù hợp với số nợ và yêu cầu này bên nguyên đơn không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để để chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu H buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H2 phải trả số tiền 392.000.000đ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Vì chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: - Điều 471, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp tiền biêu"* của bà Trần Thị Thu H đối với bà Nguyễn Thị Hữu .

Xử: Buộc bà Nguyễn Thị H2 phải trả cho bà Trần Thị Thu H số tiền 392.000.000 đồng (*Ba trăm chín mươi hai triệu triệu đồng*);

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng thời gian và số tiền phải thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị H2 phải chịu 19.600.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Trần Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 11.540.000 đồng theo biên lai thu số 0001333 ngày 25.6.2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q. Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Ngọc Cường